

Bản án số: 229/2023/HS-ST
Ngày 26-10-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Cao Thị Hạ

Ông Phạm Mạnh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Thư ký tại điểm cầu thành phần: Ông Nguyễn Thanh S - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Kiều Dâng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 214/2023/TLST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 228/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Hoàng Văn T, sinh ngày 12 tháng 11 năm 1992 tại Phú Thọ; nơi ĐKHKTT: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; nơi ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; giới tính: Nam; dân tộc: Mường; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Văn L (đã chết) và bà Trương Thị T1; có vợ Nguyễn Thị Linh H và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt giữ từ ngày 28/6/2023 chuyển tạm giam ngày 08/7/2023; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phạm Duy K - Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố H; có mặt;

- Bị hại: Công ty R; địa chỉ: Khu Công nghiệp V, T, huyện T, thành phố Hải Phòng; người đại diện theo ủy quyền: Ông Yeung Chi To M - Giám đốc hành chính cấp cao và bà Nguyễn Thị T2 - Phó Tổng giám đốc Công ty R; có mặt; bà Nguyễn Thị Thu T3 - Phiên dịch viên cho ông Yeung Chi To M, có mặt.

- Người làm chứng: Anh Trần Anh T4, anh Lại Văn S1, anh Phạm Văn H1, bà

Trần Thị T5; anh S1 có mặt; anh T4, anh H1 và bà T5, đều vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Văn T là công nhân nhà máy C - Công ty TNHH R1 (100% vốn nước ngoài), địa chỉ: Khu công nghiệp V, T, Hải Phòng. Quá trình làm việc, T phát hiện thấy việc quản lý của công ty có nhiều sơ hở nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Lợi dụng thời gian trong giờ làm việc (từ 8 giờ đến 17 giờ hàng ngày) và nhiệm vụ được phân công vận chuyển máy móc thiết bị giữa các nhà máy trong công ty, T dùng xe nâng chuyên khuôn nhôm các loại đã qua sử dụng cùng một số tài sản khác để tại vị trí hành lang, giáp nhà xe công nhân và kho của bộ phận quản lý thiết bị, đặt số hàng này lên cao bản, dùng vải và nilon có sẵn bọc kín lại rồi chuyển về khu vực kho bộ phận công trình nơi T làm việc. Sau đó, T thuê xe ô tô tải có gắn cầu tự hành BKS 15C-382.86 của Trần Anh T4, sinh năm 1980, trú tại: Số D H, Sở Dầu, Hồ N, Hải Phòng vào nhà máy C để chở hàng với giá 1.000.000 đồng/chuyến và nhờ Lại Văn S1, sinh năm 1989, trú tại: Số A lô F Mặt bằng Sở D, Hồ N, Hải Phòng; Phạm Văn H1, sinh năm 1986, trú tại: Thôn T, xã T, K, Hải Phòng cùng là công nhân lái xe nâng, điều khiển xe nâng vận chuyển số tài sản trộm cắp đã được bọc kín lên thùng xe tải, rồi sử dụng Phiếu mang hàng ra cổng (chuẩn bị từ trước) cho bảo vệ kiểm tra để đưa được tài sản ra ngoài. T mang tài sản trộm cắp đến bán tại cửa hàng thu mua phế liệu của bà Trần Thị T5, sinh năm 1975, trú tại: Thôn H, xã H, T, Hải Phòng để lấy tiền sử dụng cá nhân.

Với phương thức thủ đoạn như trên, Hoàng Văn T đã trộm cắp tài sản của Công ty cụ thể như sau:

Ngày 11/5/2023, T lấy được 160kg khuôn nhôm và 01 chân đế sắt nặng 110kg bán cho bà T5 với giá 39.000 đồng/kg nhôm và 6.500 đồng/kg sắt được 6.955.000 đồng. Ngày 26/5/2023, T lấy 360kg khuôn nhôm bán được 14.040.000 đồng. Ngày 01/6/2023, T lấy 180kg khuôn nhôm, bán được 7.020.000 đồng. Ngày 06/6/2023, T lấy được 320kg khuôn nhôm, 03 khay nhựa có chứa các dây điện lõi đồng, 01 chiếc bạt màu xanh, 01 bộ kệ nối 3 tầng. T bán 320kg nhôm được 12.480.000 đồng và 40kg lõi đồng được 3.400.000 đồng, còn các tài sản khác T mang về nhà cất giấu.

Ngày 28/6/2023, Hoàng Văn T đến Công an huyện T đầu thú, cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T khám xét khẩn cấp chỗ ở của Hoàng Văn T tại thôn H, xã T, T, Hải Phòng, thu giữ: 01 bộ kệ nối 3 tầng, 03 khay nhựa, 01 tấm bạt nilon đều đã qua sử dụng.

Công ty TNHH R1 trình báo bị thất thoát là 75 chiếc khuôn nhôm, tổng khối lượng 3.149 kg. Ngoài ra, Công ty còn trình báo mất các tài sản: 110 kg chân đế sắt, 40 kg các đoạn dây điện lõi đồng, 01 bộ kệ nối 3 tầng, 03 khay nhựa, 01 tấm bạt nilon.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 07/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, kết luận: Tổng giá trị của tài sản khuôn nhôm các loại có tổng khối lượng 3.149 kg là 258.164.600 đồng.

Tuy nhiên, kết quả điều tra chỉ xác định được Hoàng Văn T trộm cắp 1.020 kg nhôm gồm nhiều loại khuôn có kích thước khác nhau, đã qua sử dụng, giá trị còn lại thấp nhất 79% là 79.000 đồng/kg, tổng trị giá là 80.580.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 24/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, kết luận: Tổng giá trị của tài sản (110 kg chân đế sắt, 40 kg các đoạn dây điện lõi đồng, 01 bộ kệ nối 3 tầng, 03 khay nhựa, 01 tấm bạt nilon) là 4.223.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản Hoàng Văn T chiếm đoạt được là 84.803.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty R yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 83.422.000 đồng sau khi đã trừ giá trị tài sản Công ty được nhận lại theo kết luận định giá.

Tại bản cáo trạng số 215/CT-VKS-P3 ngày 06/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Hoàng Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Hoàng Văn T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng, việc truy tố, xét xử bị cáo là không oan.

Tại phiên tòa, đại diện bị hại đề nghị xử phạt nghiêm đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T6 từ 36 đến 42 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, vì điều kiện hoàn cảnh của bị cáo khó khăn;

Về trách nhiệm dân sự: Công ty R yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 83.422.000 đồng, gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp đủ số tiền này, tại phiên tòa đại diện bị hại không yêu cầu gì thêm, nên bị cáo không phải bồi thường gì thêm.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo nêu quan điểm: Đồng ý với Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đã áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo thuộc dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, có 01 nhỏ bị bệnh tim bẩm sinh, hoàn cảnh gia đình bị cáo cũng rất khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, đề nghị cho bị cáo được miễn án phí, đồng thời xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh:* Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và tại Cơ quan điều tra phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định: Vào các ngày 11/5/2023, 26/5/2023, 01/6/2023 và 06/6/2023, Hoàng Văn T đã có hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt 1.020 kg khuôn nhôm, 110 kg chân đế sắt, 40 kg các đoạn dây điện lõi đồng, 01 bộ kệ nối 3 tầng, 03 khay nhựa, 01 tấm bạt nilon đều đã qua sử dụng của Công ty TNHH R1. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 84.803.000 đồng. Nên đủ cơ sở khẳng định bị cáo T phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản là đúng quy định của Pháp luật.

[4] Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, đặc biệt gây tâm lý lo ngại cho các doanh nghiệp nước ngoài đang đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam. Vì vậy cần xử phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo bốn lần trộm cắp của Công ty TNHH R1, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đầu thú và đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị cáo đã từng giam gia quân ngũ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo: Không tranh luận với Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ theo như đề nghị của Viện kiểm sát. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo cũng khó khăn, nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, đồng thời đề nghị xem xét cho bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Mặc dù gia đình bị cáo khó khăn, nhưng đã cố gắng nộp tiền khắc phục hậu quả cho bị hại, thể hiện ý thức trách nhiệm của bị cáo đối với hành vi phạm tội của mình, nên đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị.

[8] Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị trên của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo về việc miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo vì bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo cũng khó khăn.

- Về hình phạt

[9] Căn cứ tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội đã ra đầu thú và tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại. Tuy nhiên, bị cáo đã nhiều lần thực hiện trộm cắp tài sản của công ty, đã tác động xấu đến hoạt động của công ty, cũng như công nhân lao động tại công ty, đại diện công ty cũng đề nghị cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo. Do đó cần xử phạt bị cáo mức hình phạt như Viện kiểm sát đề nghị mới đủ răn đe, trừng trị bị cáo, không có cơ sở để chấp nhận đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo xử phạt bị cáo dưới mức đề nghị của Viện kiểm sát.

[10] *Về hình phạt bổ sung*: Xét thấy điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[11] *Về vật chứng của vụ án*: Cơ quan điều tra đã trả lại 01 bộ kệ nối 3 tầng, 03 khay nhựa, 01 tấm bạt nilon cho Công ty R, việc trả lại tài sản cho bị hại là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Công ty R yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 83.422.000 đồng sau khi đã trừ giá trị tài sản Công ty được nhận lại theo kết luận định giá (01 bộ kệ nối 3 tầng, 03 khay nhựa, 01 tấm bạt nilon trị giá 1.381.000 đồng). Xét thấy, Công ty R yêu cầu bị cáo bồi thường là có căn cứ, bị cáo cũng chấp nhận và chủ động tác động gia đình nộp lại số tiền này. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu bị cáo bồi thường của Công ty R.

- Về vấn đề khác

[13] Đối với Trần Anh T4 được T thuê chở tài sản, Lại Văn S1, Phạm Văn H2 giúp T nâng hàng lên xe và Trần Thị T5 thu mua tài sản nhưng đều không biết tài sản do T trộm cắp nên không có căn cứ xử lý.

[14] Đối với số lượng 2.129kg khuôn nhôm bị thất thoát còn lại, Công ty R không các định được nguyên nhân thiếu hụt nên không có căn cứ để xử lý, Công ty R có quyền đề nghị cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ.

[15] *Về án phí*: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn và xin miễn án phí nên bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[16] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Hoàng Văn T 36 (ba sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/6/2023.

2. *Về trách nhiệm dân sự:* Buộc bị cáo phải bồi thường cho Công ty R số tiền 83.422.000 (tám mươi ba triệu, bốn trăm hai mươi hai nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 83.422.000 (tám mươi ba triệu, bốn trăm hai mươi hai nghìn) đồng bị cáo đã nộp theo biên lai số 0000453 ngày 20/10/2023 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. *Về án phí:* Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Bị cáo Hoàng Văn T không phải nộp phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC; VKSNDCC;
- Vụ 1 - TANDTC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo; Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường

